

**PHỤ LỤC 03**

**CÁC CHÍNH SÁCH DO TRUNG ƯƠNG ĐÃ BAN HÀNH**

(Kèm theo Tờ trình /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Chính sách	Đối tượng áp dụng	Kết quả thực hiện năm 2023		Chưa thực hiện, lý do	Ghi chú
			Số người	Số tiền (đồng)		
1	Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng	Hỗ trợ đào tạo nghề cho phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân	196	2.431.000.000		Thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn kết thúc vào năm 2021
2	Chính sách hỗ trợ học nghề cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm năm 2013 và Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Người lao động đang đóng bảo hiểm thất nghiệp được hỗ trợ học nghề khi có đủ các điều kiện quy định. Mức hỗ trợ học nghề theo Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ (1.500.000 đồng/người/tháng)	89	499.500.000		
3	Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định của Luật Việc làm năm 2013	Người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động khi có đủ các điều kiện quy định. Thời gian hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo phương án được phê duyệt và không quá 06 tháng	0	0	Chưa có doanh nghiệp đề xuất hưởng	

Stt	Chính sách	Đối tượng áp dụng	Kết quả thực hiện năm 2023		Chưa thực hiện, lý do	Ghi chú
			Số người	Số tiền (đồng)		
4	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	Người lao động có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ: Hỗ trợ chi phí đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa khi tham gia khóa đào tạo nghề trình độ sơ cấp hoặc chương trình đào tạo từ 03 tháng trở xuống. Các chi phí còn lại do doanh nghiệp nhỏ và vừa và người lao động thỏa thuận. Người lao động tham gia khóa đào tạo phải đáp ứng điều kiện đã làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tối thiểu 06 tháng liên tục trước khi tham gia khóa đào tạo.			Theo quy định tại Nghị định thi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định. Tuy nhiên đến nay Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chưa có hướng dẫn chi tiết thực hiện	
5	Chính sách miễn học phí đối với người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023	Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	4.661	38.938.449.000		
6	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an theo quy định tại Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an	934	11.154.869.000		

Stt	Chính sách	Đối tượng áp dụng	Kết quả thực hiện năm 2023		Chưa thực hiện, lý do	Ghi chú
			Số người	Số tiền (đồng)		
7	Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Liên bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính	Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trở về nước được hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài, hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài, hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề, ...	0	0	Không có lao động đề nghị hỗ trợ	
8	Chính sách đào tạo nghề nghiệp cho người chấp hành xong hình phạt tù theo quy định tại Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính Phủ	Người chấp hành xong hình phạt tù tham gia đào tạo nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, dưới 03 tháng được miễn, giảm học phí, hưởng chính sách nội trú, được hỗ trợ chi phí đào tạo, tiền ăn và tiền đi lại nếu thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.	280	493.834.440		
9	Chính sách hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại theo Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”	Học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (tham gia các chương trình đào tạo ngành, nghề mới, các chương trình đào tạo bổ sung kỹ năng mới, kỹ năng tương lai) đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Người lao động trong các doanh nghiệp để chuyển đổi nghề nghiệp do chịu tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Người lao động trong các doanh nghiệp ở những ngành nghề công nghệ mới hoặc cần nâng cao kiến thức, kỹ năng để tiếp thu, làm chủ và khai thác hiệu quả tiến bộ khoa học và công nghệ ở các trình độ của giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại			Theo quy định tại QĐ 1446 thì Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì tổ chức đặt hàng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp có đủ điều kiện tham gia	

Stt	Chính sách	Đối tượng áp dụng	Kết quả thực hiện năm 2023		Chưa thực hiện, lý do	Ghi chú
			Số người	Số tiền (đồng)		
10	Chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ	<p>Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, được công nhận quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất không có đất để bồi thường và đã được bồi thường bằng tiền; Cá nhân thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và đã được bồi thường bằng tiền; Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, trừ trường hợp cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp; Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.</p> <p>Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ có nguồn thu nhập ổn định từ hoạt động kinh doanh dịch vụ.</p>	0	0	chưa thực hiện vì chính sách mới ban hành	